

STT	DỊCH VỤ		MỨC PHÍ
I - PHÍ TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN			
1	Cho vay lãi tính theo dư nợ giảm dần/trả nợ gốc cuối kỳ		
1.1	Vay ngắn hạn (cho vay từng lần)	Thời gian vay thực tế ^(a) \geq 50% thời gian vay của Giấy nhận nợ ^(b)	Miễn phí
		Thời gian vay thực tế < 50% thời gian vay của Giấy nhận nợ	1,5% số tiền trả nợ trước hạn TT: 200.000 VND
1.2	Vay trung và dài hạn	Thời gian vay thực tế \geq 70% thời gian vay của Giấy nhận nợ	Miễn phí
		Thời gian vay thực tế từ 30% đến dưới 70% thời gian vay của Giấy nhận nợ	2% số tiền trả nợ trước hạn
		Thời gian vay thực tế < 30% thời gian vay của Giấy nhận nợ	3% số tiền trả nợ trước hạn
2	Cho vay lãi tính trên dư nợ ban đầu (lãi add-on) (chỉ áp dụng khi tắt toán khoản vay)		
2.1	Thời điểm tắt toán khoản vay \geq 50% thời gian vay của Giấy nhận nợ		Miễn phí
2.2	Thời điểm tắt toán khoản vay < 50% thời gian vay của Giấy nhận nợ		5 % số tiền tắt toán
II - PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN HẠN MỨC TÍN DỤNG (HMTD) DỰ PHÒNG VÀ PHÁT HÀNH CAM KẾT THU XẾP TÀI CHÍNH CÓ ĐIỀU KIỆN			
1	Các văn bản hứa cấp tín dụng		0,10% giá trị hạn mức TT: 1.000.000 VND
2	Tái cấp HMTD dự phòng		0,2% giá trị hạn mức TT: 500.000 VND
III - PHÍ CAM KẾT RÚT VỐN			
1	Rút vốn trong vòng 3 ngày làm việc		Miễn phí
2	Rút vốn trong thời gian từ ngày 4 đến hết ngày 10 (tính theo ngày làm việc)		300.000 VND
3	Rút vốn sau 10 ngày làm việc		0,03% giá trị hạn mức TT: 300.000 VND TĐ: 10.000.000 VND.
IV - MỘT SỐ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN			
1. Giải thích ký tự:			
<ul style="list-style-type: none"> – VND: Việt Nam đồng; VAT (value added tax): thuế giá trị gia tăng. – Tài khoản tiền gửi: bao gồm tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, tài khoản tiền gửi thanh toán. – Chứng từ tiền gửi: là chứng từ xác nhận quyền sở hữu của chủ sở hữu và đồng chủ sở hữu tiền gửi, bao gồm: sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi, sổ dư tài khoản tiền gửi và các chứng từ tiền gửi khác (không bao gồm chứng chỉ tiền gửi). – TT: Tối thiểu. – TĐ: Tối đa. – (a): Thời gian vay thực tế (số ngày): tính từ ngày nhận nợ đến ngày trả nợ trước hạn. – (b): Thời gian vay của Giấy nhận nợ (số ngày): tính từ ngày nhận nợ đến ngày phải trả hết nợ theo thỏa thuận trên Giấy nhận nợ đó. 			
2. Quy định chung:			
<ul style="list-style-type: none"> – Phí dịch vụ được thu từng lần ngay khi phát sinh hoặc thu gộp theo tháng/quý/năm tùy theo tính chất của loại dịch vụ và sẽ không hoàn lại trừ trường hợp Nam A Bank có quy định khác. 			

- Thứ tự ưu tiên khi thu phí tín dụng: thực hiện theo quy định hiện hành của Nam A Bank.
- Trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn một phần vốn, khách hàng có thể thay đổi giảm số tiền trả nợ hàng kỳ (thời hạn vay và kỳ trả nợ không đổi) bằng cách ký thêm Phụ lục Hợp đồng tín dụng mới thay đổi số tiền trả nợ hàng kỳ do trả nợ trước hạn. Đơn vị phải tư vấn thỏa thuận với khách hàng về việc điều chỉnh lịch trả nợ ngay tại thời điểm khách hàng trả nợ trước hạn một phần vốn (việc điều chỉnh lịch trả nợ trên hệ thống phải thực hiện trước khi Đơn vị thanh toán số tiền trả nợ trước hạn).
- Áp dụng đối với tất cả các khoản vay hiện hành tại Nam A Bank và các khoản vay mới phát sinh. Ngoại trừ những khoản vay hiện hành đã được cấp thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo phê duyệt.
- Phí trả nợ trước hạn không áp dụng đối với các trường hợp sau:
 - Các khoản vay theo hạn mức tín dụng và thấu chi tài khoản;
 - Khách hàng vay bảo đảm bằng tài khoản tiền gửi/chứng từ tiền gửi do Nam A Bank phát hành;
 - Khách hàng trả trước số tiền đến hạn (cho duy nhất 1 kỳ đến hạn gần nhất) trong khoảng thời gian ≤ 10 ngày so với ngày trả gốc định kỳ;
 - Các sản phẩm/chương trình đặc thù có quy định riêng theo từng sản phẩm (nếu có).
- Phí Cam kết rút vốn được tính kể từ thời điểm thỏa thuận cho vay có hiệu lực (được căn cứ theo ngày ký Hợp đồng tín dụng¹) đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu.
- Phí cam kết rút vốn chỉ áp dụng đối với phương thức cho vay từng lần.
- Các khoản mục phí không liệt kê trong biểu phí này sẽ được áp dụng theo biểu phí ban hành của từng sản phẩm cụ thể (nếu có).
- Mức phí quy định trong biểu phí là mức phí tối thiểu, các Cấp phê duyệt có quyền phê duyệt để thu phí cao hơn.
- ❖ **Trường hợp tái cấp HMTD thì ĐVKD thực hiện thu phí tương ứng tại mục 2 - Phần II của Phụ lục này (ĐVKD thu ngay tại thời điểm khách hàng nhận nợ lần đầu). ĐVKD gửi thông báo cấp tín dụng theo nội dung tại mẫu chuẩn số BM-TD.CTD.06 đính kèm khi thực hiện thu phí từ khách hàng.**

Lưu ý: ĐVKD bổ sung nội dung “Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh/TTKD/PGD.....cam kết hạn mức tín dụng dự phòng cho các năm tiếp theo và được ngân hàng xem xét lại hàng năm, đồng thời có thông báo cụ thể đến khách hàng” vào thông báo cấp tín dụng số BM-TD.CTD.06 (như mẫu đính kèm).

V – THẨM QUYỀN GIẢM PHÍ:

1. Thẩm quyền giảm phí: Cấp phê duyệt tín dụng sẽ quyết định mức phí (Bao gồm mức phí theo tỷ lệ %, mức phí cố định, phí tối đa và tối thiểu).
2. Trong trường hợp ĐVKD thực hiện thu đủ phí tái cấp HMTD thì Trưởng ĐVKD được quyền giảm lãi suất cho vay tối đa tương ứng với tỷ lệ giảm phí trong thời hạn hiệu lực của HMTD đối với khách hàng đó.
3. Các trường hợp phát sinh ngoài biểu phí, ĐVKD trình Tổng Giám Đốc/Người được TGD ủy quyền phê duyệt.